TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/DS-ST
Ngày 14 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Mai Quốc P, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số 102/6 VC, p 4, q 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Thiện N, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Ấp TĐ A, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Mai Quốc P trình bày: Anh với anh N có quen biết nhau và là đối tác trong lĩnh vực khai thác, mua bán cát xây dựng. Khoảng tháng 10/2023 đến tháng 12/2023, anh N nhiều lần hỏi vay tiền của anh, vì có mối quan hệ hợp tác nên anh đồng ý cho vay. Đến ngày 08/12/2023, anh N lập giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ với nội dung là xác nhận nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền 1.956.000.000đ vào ngày 14/12/2023. Anh N cam kết nếu sau ngày 14/12/2023 mà không có khả năng thanh toán, anh N sẽ chuyển nhượng các tài sản là quyền sử dụng đất sau đây để trả nợ cho anh gồm:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 254110, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04246 ngày 09/6/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu

Giang cấp và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cập nhật chuyển nhượng cho ông Thái Văn K ngày 08/7/2020 (đang làm thủ tục đăng bộ chuyển tên cho anh Trịnh Thiện N).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 317342, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04311 ngày 09/7/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Thái Văn K ngày 08/7/2020 (đang làm thủ tục đăng bộ chuyển tên cho anh Trịnh Thiện N).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 254109, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04247 ngày 09/6/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cập nhật chuyển nhượng cho ông Thái Văn K ngày 08/7/2020 (đang làm thủ tục đăng bộ chuyển tên cho anh Trịnh Thiện N).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 254111, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04248 ngày 09/6/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cập nhật chuyển nhượng cho ông Thái Văn K ngày 08/7/2020 (đang làm thủ tục đăng bộ chuyển tên cho anh Trịnh Thiện N).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 317341, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04310 ngày 09/6/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Thái Văn K ngày 08/7/2020 (đang làm thủ tục đăng bộ chuyển tên cho anh Trịnh Thiện N).

Sau ngày 14/12/2023, anh nhiều lần yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết, nhưng không nhận được sự thiện chí trả nợ của anh N. Từ đó đến nay, anh không liên lạc được với anh N, bởi anh N cố tình né tránh, cắt đứt liên lạc.

Đồng thời, anh được biết sau khi hoàn tất thủ tục đăng bộ sang tên các thửa đất nêu trên, anh N đã chuyển nhượng cho người khác, có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nay anh yêu cầu anh N trả số tiền vốn 1.956.000.000đ, lãi (tạm tính từ ngày 15/12/2023 đến 15/3/2024) là 49.302.000đ, tổng cộng 2.005.302.000đ.

Đối với anh Trịnh Thiện N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Mai Quốc P khởi kiện yêu cầu anh Trịnh Thiện N trả tiền là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P, anh N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh N có vay của anh P tổng số tiền 1.956.000.000đ. Xét thấy: Các đương sự giao dịch vay tiền với nhau bằng hình thức chuyển khoản và các hình thức khác. Tuy nhiên, đến ngày 18/12/2023 anh N tự làm giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ với anh P. Trong quá trình giải quyết, anh N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh P. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, hội đồng xét xử nhận thấy: Theo giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ thì anh N cam kết với anh P sẽ thanh toán số tiền 1.956.000.000đ vào ngày 14/12/2023, nhưng anh N không thực hiện đúng cam kết. Do đó, yêu cầu tính lãi của anh P kể từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tình như sau: (1.956.000.000đ x 10%/năm) x 05 tháng = 81.500.000đ.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Quốc P.

1. Buộc anh Trịnh Thiện N phải có nghĩa vụ trả cho anh Mai Quốc P số tiền 2.037.500.000 đồng (hai tỷ không trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Anh Mai Quốc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh P 36.053.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000881 ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Anh Trịnh Thiện N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 72.750.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh